TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 276/2021/HC-PT
Ngày: 07/12/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Hà;

Các Thẩm phán: Ông Bùi Xuân Trọng;

Bà Lê Thị Mai.

Thư ký phiên tòa: Ông Phan Nhật Phong - Thư ký Toà án nhân dân cấp cao tại Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội tham gia phiên tòa: Ông Lê Song Lê, Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 07 tháng 12 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Hà Nội mở phiên tòa công khai xét xử phúc thẩm vụ án hành chính thụ lý số 182/2021/TLPT-HC ngày 12 tháng 4 năm 2021 về việc "Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai" do có kháng cáo của người khởi kiện đối với Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HCST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 9762/2021/QĐ-PT ngày 12 tháng 11 năm 2021 giữa:

1. Người khởi kiện: Bà Dương Thị L, sinh năm 1933 và ông Đồng Sỹ N, sinh năm 1972; Cùng địa chỉ: Xóm 4, thôn Đ, xã P, huyện S, thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền của bà L: Ông Đồng Thiện K, sinh năm 1979; Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện S, thành phố H.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà L: Ông Nguyễn Văn T, Luật sư công ty luật TNHH P1 thuộc Đoàn luật sư thành phố H.

Bà L, ông N, ông Ký và Luật sư T đều có mặt tại phiên tòa.

2. Người bị kiện:

- Chủ tịch UBND thành phố H.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Trọng Đ1, chức vụ: Phó Chủ tịch, Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- Chủ tịch UBND huyện S.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Đỗ Minh T1, chức vụ: Phó Chủ tịch, vắng mặt.

***3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan**:*

- Ủy ban nhân dân xã P.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Kim T2, chức vụ: Chủ tịch, vắng mặt.

- Ông Nguyễn Văn T3, sinh năm 1963;

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện S, TP. Hà Nội, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ, người khởi kiện trình bày như sau:

Gia đình bà Dương Thị L có 725m² diện tích đất do ông cha để lại tại thửa đất số 294 tờ bản đồ số 07 tại thôn Đ, xã P, huyện S, thành phố H.

Trước đây khi ngõ T4 được hình thành, gia đình bà và một số gia đình khác đã cùng góp một phần đất của gia đình mình làm đường cho người dân đi lại vào trong ngõ. Đến năm 1964, chính quyền xã xây dựng xong đường B để đi vào ngõ T4 thì những phần đất của con đường cũ trước kia được gia đình bà và một số gia đình khác góp vào làm đường được chính quyền xã trả lại. Từ đó đến nay, gia đình bà vẫn sử dụng thửa đất này ổn định và hoàn thành nghĩa vụ thuế đất với nhà nước. Năm 1987, gia đình đã thực hiện thủ tục đăng ký đất đai đối với 725m² đất nêu trên được chính quyền xã lúc đó chấp nhận. Trong suốt thời gian hơn 50 năm gia đình bà sử dụng mảnh đất này không có tranh chấp với ai.

Năm 2015, gia đình ông Nguyễn Văn T3 (người cùng thôn) tự ý xây dựng 10 trụ cột bê tông đổ đất lấn chiếm khoảng 126m² để làm nhà tại phần đất trên của gia đình bà. Sau đó gia đình bà đã làm đơn ra xã yêu cầu giải quyết tranh chấp đất đai với gia đình ông T3, UBND xã P đã hòa giải nhiều lần nhưng không thành. Ngày 28/9/2018, Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 2998/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai. Theo đó thì giao phần đất đang tranh chấp cho gia đình ông Nguyễn Văn T3 quản lý sử dụng.

Không đồng ý với quyết định trên, gia đình bà khiếu nại tiếp đến UBND thành phố H. Ngày 18/12/2019, Chủ tịch UBND thành phố ban hành Quyết định số 7156/QĐ-UBND về việc giải quyết tranh chấp đất đai, theo đó giữ nguyên Quyết định số 2998/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện S.

Ngày 30/12/2019, bà Dương Thị L và ông Đồng Sỹ N (con bà L) khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu hủy Quyết định số 7156/QĐ-

UBND ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H và Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

Ý kiến của Chủ tịch UBND thành phố H: Không có ý kiến gì khác với quan điểm đã thể hiện tại Quyết định số 7156/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H.

Ý kiến của Chủ tịch UBND huyện S: Qua kết quả xác minh cho thấy gia đình ông Nguyễn Văn T3 sử dụng tại phần đất đang tranh chấp liên tục từ khi thôn Đ, xã P thực hiện làm đường B năm 1960 đến nay. Ông Đồng Sỹ N, bà Dương Thị L hiện không quản lý, sử dụng phần diện tích 126m² thuộc một phần thửa đất số 294, tờ bản đồ số 07 tại thôn Đ, xã P. Ông N cũng thừa nhận gia đình ông không hiến đất khi thực hiện làm đường B, đồng thời ông N không cung cấp được giấy tờ chứng minh nguồn gốc, quá trình sử dụng thửa đất đang tranh chấp.

Ngày 28/9/2018, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 2998/QĐ-UBND giải quyết tranh chấp đất đai giữa ông Đồng Sỹ N, bà Dương Thị L với ông Nguyễn Văn T3, theo đó bác đơn yêu cầu của ông Đồng Sỹ N, bà Dương Thị L đòi quyền sử dụng diện tích 126m² đất tại một phần thửa đất số 294, tờ bản đồ số 07, xóm 4, thôn Đ, xã P. Đề nghị Tòa án giữ nguyên nội dung tại Quyết định số 2998/QĐ-UBND.

Ý kiến của UBND xã P: Ngày 13/8/2015, bà Dương Thị L có đơn kiến nghị gửi UBND xã trình báo việc hộ gia đình ông Nguyễn Văn T3 xây dựng lấn chiếm đất ao của gia đình bà L.

Ngày 29/10/2015, UBND xã đã tiến hành hòa giải tranh chấp đất đai giữa hai gia đình nhưng không thành từ đó gia đình ông T3 không xây dựng thêm nữa.

Ngày 30/5/2017, gia đình ông Nguyễn Văn T3 có đơn đề nghị UBND xã P giải quyết tranh chấp đất đai giữa hai gia đình.

Ngày 11/7/2017 và ngày 01/8/2017, UBND xã P tổ chức hòa giải tranh chấp đất đai giữa hai gia đình nhưng không thành với lý do bà L không công nhận phần đất tranh chấp là của hộ ông T3.

Trên bản đồ địa chính xã đo vẽ năm 1987, phần diện tích đất đang tranh chấp thuộc một phần thửa đất ao số 294, diện tích 725m², tờ bản đồ số 08 tại ngõ T4, xóm 4, thôn Đ, xã P, nhưng trên thực tế diện tích đất ao gồm 2 phần: Phần đất liền thổ sát đường đi là phần diện tích đang tranh chấp gia đình ông Nguyễn Văn T3 đang sử dụng có diện tích khoảng 126m² trên đã đổ đất và xây dựng 10 trụ cột bê tông và phần còn lại là mặt nước ao hiện gia đình của hộ bà Dương Thị L đang sử dụng.

Phần diện tích đất đang tranh chấp phía Đông giáp ao hộ bà Dương Thị L, phía Tây giáp đường bê tông ngõ T4, xóm 4, thôn Đ (còn có tên là đường B)

tiếp đến qua đường B là thửa đất ở của hộ ông Nguyễn Văn T3 (thửa đất số 296, diện tích 270m²).

Nguồn gốc, quá trình sử dụng phần diện tích đất đang tranh chấp:

Trước năm 1960, ngõ T4 xóm 4, thôn Đ đi lại bằng con đường đất cũ chạy ngoằn ngoèo cho đến năm 1960 thôn Đ quy hoạch lại hệ thống đường giao thông, ngõ T4 có mở con đường mới (gọi là B) chạy thẳng từ Bắc xuống Nam như hiện nay và con đường đất cũ đã bỏ không còn sử dụng nữa.

Trước năm 1960, con đường đất cũ nằm chính giữa ngăn cách thửa đất ở của hộ ông Nguyễn Văn T3 với thửa đất ao của bà Dương Thị L, con đường đất cũ này là đất công không thuộc quyền sử dụng đất của hộ bà Dương Thị L.

Năm 1960, thực hiện làm đường B mới cắt vào thửa đất ở của hộ ông Nguyễn Văn T3 tạo thành hai phần: phần đất bên Tây đường B chính là thửa đất số 296 mà hộ ông T3 ở và còn lại một phần nằm bên Đông đường B.

Tại thời điểm năm 1960, Ban vận động làm đường giao thông của xã đã họp dân và thống nhất chủ trương những hộ nào bị mất đất làm đường B sẽ được hoàn lại diện tích đất ngõ không còn sử dụng. Trường hợp của hộ ông Nguyễn Văn T3 do bị mất đất ở khi làm đường B nên được hoàn trả lại phần đất ngõ cũ.

Vì vậy, hiện nay trong phần diện tích đất đang tranh chấp có hai loại đất: Đất ở của hộ ông T3 còn lại khi làm đường B chia cắt và đất ngõ cũ không còn sử dụng được hoàn trả.

Qua họp xét duyệt nguồn gốc đất, hội nghị đã khẳng định hộ ông Nguyễn Văn T3 là người sử dụng phần đất đang tranh chấp liên tục từ năm 1960 tới nay.

Năm 1987, việc đo vẽ bản đồ địa chính không chính xác đã vẽ gộp thửa đất ao của hộ bà Dương Thị L với phần đất liền thổ của hộ ông Nguyễn Văn T3 thành một thửa nên hồ sơ quản lý đất đai lưu tại UBND xã P hiện nay đang thể hiện chung trên một thửa đất là thửa số 294, diện tích 725m².

Ý kiến của ông Nguyễn Văn T3: Năm 2015 gia đình ông xây dựng công trình tại thửa đất trên thì bà Dương Thị L làm đơn đến UBND xã P, UBND huyện S và UBND thành phố H đều khẳng định diện tích đất bà Dương Thị L tranh chấp với gia đình ông là không có căn cứ và công nhận thửa đất đó là của gia đình ông.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HCST ngày 20 tháng 01 năm 2021, Tòa án nhân dân thành phố H đã quyết định:

- Căn cứ khoản 3 Điều 3; Điều 30, Điều 32, khoản 2 Điều 173, Điều 116, điểm a khoản 2 Điều 193, Điều 204, Điều 206 Luật Tố tụng hành chính;

- Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ; Nghị

quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí.

Xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của ông Đồng Sỹ N, bà Dương Thị L yêu cầu hủy Quyết định số 7156/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H và Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp đất đai.

Ngoài ra, Tòa án cấp sơ thẩm còn quyết định về án phí và thông báo quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 02/02/2021, người khởi kiện là ông Đồng Sỹ N và bà Dương Thị L có đơn kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm, chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người kháng cáo là ông Đồng Sỹ N và bà Dương Thị L rút phần kháng cáo đề nghị hủy bản án sơ thẩm đề nghị Hội đồng xét xử sửa bản án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của người khởi kiện. Ông Đồng Sỹ N xác nhận quá trình làm đường B gia đình ông không hiến đất làm đường nhưng có chú ruột là ông Đồng Văn T5 hiến đất làm đường được đền bù ½ diện tích đất hiến vào đất gia đình ông T5 còn ½ giáp đất nhà ông nên ông T5 cho gia đình ông sử dụng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Hà Nội sau khi đánh giá tính hợp pháp của quyết định hành chính bị khiếu kiện, phân tích tài liệu chứng cứ đã thu thập có trong hồ sơ có ý kiến thể hiện: Tòa án cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Dương Thị L và ông Đồng Sỹ N là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác kháng cáo của người khởi kiện, giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử xem xét trên bản đồ 1987 thửa đất tranh chấp là một thửa được hộ gia đình bà L đăng ký sử dụng, có đóng thuế, không có tranh chấp; không có căn cứ xác định hộ ông T3 sử dụng đất tranh chấp từ năm 1960; sau khi B ngõ cũ trả cho ông T3 phần đất ao giáp đất ông Đào mà sau này ông T3 mua lại để chấp nhận kháng cáo của người khởi kiện.

Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên, Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện, sau khi thảo luận và nghị án;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ngày 30/12/2019, bà Dương Thị L và ông Đồng Sỹ N khởi kiện đến Tòa án nhân dân thành phố H yêu cầu hủy Quyết định số 7156/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H và Quyết

định số 2998/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp đất đai. Toà án nhân dân thành phố H thụ lý, giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều 3 và Điều 30 Luật tố tụng hành chính; xác định về đối tượng khởi kiện, về thời hiệu khởi kiện, Quyết định hành chính bị khởi kiện, Quyết định hành chính liên quan, về tư cách đương sự đúng quy định pháp luật. Việc chứng minh, thu thập chứng cứ đã được thực hiện đầy đủ và đúng theo quy định của pháp luật tố tụng hành chính.

Đơn kháng cáo của người khởi kiện được làm trong hạn luật định nên được chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét tính hợp pháp của các Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện S và Quyết định số 7156/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 của Chủ tịch UBND thành phố H, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1] Về thẩm quyền ban hành: Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND thành phố H ban hành quyết định hành chính và quyết định giải quyết khiếu nại là đúng quy định tại Điều 18, Điều 21 Luật khiếu nại năm 2011; Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật đất đai năm 2013; Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành luật đất đai.

[2.2] Về nội dung:

[2.2.1] Về nguồn gốc diện tích đất có tranh chấp:

Theo hồ sơ địa chính: Phần diện tích bà L, ông N tranh chấp là một phần của thửa đất số 294, tờ bản đồ số 07 có diện tích 725m² bản đồ địa chính xã P đo đạc năm 1987, tỉ lệ 1:1000, bản đồ không có dấu của Sở địa chính nhà đất nhưng đã sử dụng từ đó đến nay để cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất trong khu dân cư. Ngoài ra, tại UBND xã P và Phòng tài nguyên và môi trường không còn lưu giữ bất kỳ hồ sơ tài liệu gì khác có liên quan đến diện tích đất đang tranh chấp.

Bà Dương Thị L và ông Nguyễn Văn T3 đều cho rằng diện tích đất tranh chấp có nguồn gốc là của ông cha để lại, nhưng cả hai bên đều không cung cấp được giấy tờ, tài liệu chứng minh theo quy định tại khoản 1 Điều 100, Điều 101 Luật đất đai 2013.

[2.2.2]. Về hiện trạng phần diện tích đất tranh chấp: Phần diện tích đất đang tranh chấp là phần đất liền kề với diện tích đất ao hiện gia đình bà Dương Thị L sử dụng. Trên phần diện tích đất này, năm 2015 khi hộ gia đình ông T3 xây dựng nhà ở trên phần diện tích đất 126m² và đã xây dựng xong phần móng công trình khoảng 70m² và đổ 10 cột bê tông kích thước 20x20, phần diện tích còn lại là đất trống ông T3 trồng một số cây. Ranh giới phần đất tranh chấp có kích thước cụ thể như sau:

Phía Bắc giáp đường vào hộ ông Giang dài 6m, phía Nam giáp đất ông T3 dài 6m, phía Đông giáp đất ao hộ bà Dương Thị L 20m, phía Tây giáp đường

xóm dài 22m. Diện tích đất tranh chấp có diện tích là 126m² thuộc xóm 4, thôn Đ, xã P. Thực tế hộ bà Dương Thị L không quản lý sử dụng diện tích này.

Quá trình giải quyết tranh chấp đất đai, ngày 18/6/2018 Ủy ban nhân dân xã P đã tổ chức họp xét duyệt nguồn gốc đất để phục vụ giải quyết tranh chấp đất đai giữa hộ ông Đồng Sỹ N và ông Nguyễn Văn T3 theo đó: thửa đất đang tranh chấp có nguồn gốc một phần là đất ở cũ do ông, cha ông Nguyễn Văn T3 để lại và một phần đất ngõ cũ do ban vận động làm đường của thôn, xã trả lại cho gia đình ông Nguyễn Văn T3 khi thực hiện mở rộng nắn chỉnh các tuyến đường giao thông nông thôn (gọi là đường B) năm 1960 và sử dụng liên tục từ đó đến nay.

Báo cáo số 54/BC-UBND ngày 18/6/2018 của UBND xã P xác định: Trước năm 1960 con đường đất cũ của xóm ngõ ngăn cách thửa đất ở của ông Nguyễn Văn T3 với thửa đất ao của gia đình bà Dương Thị L, ông Đồng Sỹ N con đường đất cũ này là đất công không thuộc quyền sử dụng đất của bà Dương Thị L, ông Đồng Sỹ N. Năm 1960, thực hiện làm đường B chia cắt thửa đất của gia đình ông T3 làm hai phần, thời điểm đó ban vận động làm đường giao thông của xã đã họp dân và thống nhất chủ trương những hộ nào bị mất đất làm đường B sẽ được hoàn lại diện tích đất ngõ cũ không còn sử dụng. Trường hợp của hộ ông Nguyễn Văn T3 do bị mất đất ở khi làm đường B nên được hòan trả lại phần đất ngõ cũ. Thời điểm năm 1987 khi thực hiện đo đạc bản đồ, đơn vị tư vấn đo đạc đã đo gộp thửa đất ao của gia đình bà L với phần diện tích liền thổ của ông Nguyễn Văn T3 thành một thửa đất số 294, tờ bản đồ số 07, diện tích 725m².

Phía gia đình ông Nguyễn Văn T3 cung cấp được biên lai thu thuế sử dụng đất phi nông nghiệp các năm 2012, 2013, 2014, 2015, 2018, 2019. Phía gia đình bà Dương Thị L cung cấp được các biên lai thu thuế các năm 1994, 1995, 1996, 1997, 1999, 2000, 2002, 2003, 2005, 2006, 2007, 2010 tuy nhiên các biên lai không thể hiện cụ thể từng diện tích đóng thuế, thực tế thì gia đình ông T3, gia đình bà L còn sử dụng ở thửa đất khác.

Như vậy, đến nay chưa có hồ sơ, tài liệu thể hiện chủ sử dụng đối với thửa đất số 294, diện tích 725m² nêu trên. Tranh chấp đất đai giữa bà Dương Thị L, ông Đồng Sỹ N với ông Nguyễn Văn T3 được xác định là tranh chấp mà đương sự không có giấy chứng nhận hoặc không có một trong các loại giấy tờ quy định tại Điều 100 của Luật đất đai năm 2013. Ủy ban nhân dân xã P đã hòa giải tranh chấp đất đai không thành, căn cứ vào những tài liệu, chứng cứ trên Chủ tịch UBND huyện S đã ban hành Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 với nội dung bác đơn yêu cầu của ông Đồng Sỹ N và bà Dương Thị L là có căn cứ.

[2.3]. Không đồng ý với Quyết định số 2998/QĐ-UBND của Chủ tịch UBND huyện S, bà Dương Thị L có đơn khiếu nại đến UBND thành phố H. Trên cơ sở Báo cáo số 382/BC-STNMT-TTr ngày 01/3/2019, Báo cáo số 988/SNMT-TTr ngày 03/5/2019, Báo cáo số 2425/STNMT-TTr ngày 13/9/2019

của Sở Tài nguyên và Môi trường thành phố H, Chủ tịch UBND thành phố H đã ban hành Quyết định số 7156/QĐ-UBND ngày 18/12/2019 giữ nguyên nội dung Quyết định số 2998/QĐ-UBND ngày 28/8/2018 của Chủ tịch UBND huyện S về việc giải quyết tranh chấp đất đai là phù hợp.

Từ những phân tích đánh giá trên, Hội đồng xét xử xét thấy không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Đồng Sỹ N và bà Dương Thị L cũng như ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bà Dương Thị L tại phiên tòa.

[3] Về án phí: Bà Dương Thị L và ông Đồng Sỹ N kháng cáo không được chấp nhận nên phải chịu án phí hành chính phúc thẩm. Do bà L là người cao tuổi nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm, ông Đồng Sỹ N phải chịu án phí hành chính phúc thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Từ nhận định trên, căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Đồng Sỹ N và bà Dương Thị L; giữ nguyên Bản án hành chính sơ thẩm số 14/2021/HCST ngày 20 tháng 01 năm 2021 của Tòa án nhân dân thành phố H.

2. Về án phí: Bà Dương Thị L được miễn án phí hành chính phúc thẩm, ông Đồng Sỹ N phải chịu 300.000đồng án phí hành chính phúc thẩm được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu số 0021857 ngày 29 tháng 3 năm 2021 của Cục thi hành án dân sự thành phố H.

Bản án hành chính phúc thẩm có hiệu lực ngay sau khi tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSNDCC tại Hà Nội;
- TAND thành phố H;
- VKSND thành phố H;
- Cục THADS thành phố H;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

Vũ Thị Thu Hà